



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Chứng nhận Quy trình chăn nuôi/
Certify that the Animal Husbandry Procedure
Của/ Of

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ/ Address

62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
62 Song Hanh Street, Hanoi Highway, An Phu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

Địa điểm nuôi/ Manufacturing location:

Chi tiết phụ lục chứng nhận

Certification appendix details

Sản phẩm/ Products : Lợn/Pigs

Diện tích nuôi/ Production area : Heo thịt: 896.812,2 (m²); Heo hậu bị: 269.591 (m²); Heo nái: 775.302 (m²)

Quy mô / Scale : Heo thịt: 97.800 (con); Heo hậu bị: 24.000 (con); Heo nái: 17.000 (con)

Sản lượng dự kiến/ Expected capacity : Heo thịt: 234.720 (con/năm); Heo hậu bị: 57.600 (con/ năm); Heo nái: 442.000 (heo con/ năm)

Điện thoại/ Telephone : 0766 074787

Email: ketoan@baf.vn

Được phù hợp/To be in conformance with:

**QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT
CHO CHĂN NUÔI LỢN TẠI VIỆT NAM
(VietGAHP chăn nuôi lợn)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

According to Decision No 4653/QĐ-BNN-CN dated 10th November 2015 Of
Minister of Agriculture and Rural Development

Được phép sử dụng dấu chứng nhận theo quy định tại V01-10 của VinaCert/
Allowed to use the conformity mark prescribed in the VinaCert's V01-10

Số giấy chứng nhận/ Certificate No. :

VietGAP-CN-12-01-79-0002

Ngày chứng nhận lần đầu/ Original Certification Date:

13/11/2017

Ngày cấp/ Issue Date :

10/12/2022

Ngày hiệu lực/ Effective Date :

10/12/2022

Hạn hiệu lực/ Expiry Date:

09/12/2024





VINACERT

www.vinacert.vn

PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23121 /QĐ-VICB ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Chứng nhận Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert)

Danh sách chi tiết

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã Lộ Hà Nội, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm nuôi: Chi tiết phụ lục chứng nhận

Được chứng nhận phù hợp với yêu cầu của:
QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT
CHO CHĂN NUÔI LỢN TẠI VIỆT NAM

(VietGAHP chăn nuôi lợn)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



TT	Thành viên	Địa điểm	Đối tượng	Diện tích	Quy mô	Sản lượng	Mã số phụ
1.	Trang Trại Bình Thuận 1	Xã Tân Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	Heo thịt	120.700 m ²	20.000 con	48.000 con/năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-01
2.	Trang Trại Đak Lak 1	Thôn Jang Pông, xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Heo thịt	141.213,2 m ²	12.000 con	28.800 con/năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-05
3.	Trang Trại Vĩnh Phúc 2	Hồ Hương Đà, xã Thiện Kế, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Heo thịt	163.300 m ²	7.000 con	16.800 con/năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-07
4.	Trang Trại Bình Dương 2	Đường Hiếu Liêm 20, ấp Cây Dầu, xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	Heo thịt	170.000 m ²	14.400 con	34.560 con/năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-11
5.	Trang Trại Bình Dương 3	Đường Hiếu Liêm 20, ấp Cây Dầu, xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	Heo thịt	150.000 m ²	14.400 con	34.560 con/năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-12
6.	Trang Trại Xanh 1	Áp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	Heo thịt	151.599 m ²	30.000 con	72.000 con/năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-16
Tổng				896.812,2 m ²	97.800 con	234.720 con/năm	
1.	Trang Trại Bình Thuận 2	Thôn Đông Thuận, xã Tân Hà, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Heo nái	123.820 m ²	2.400 con	62.400 heo con/năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-02
2.	Trang Trại Thanh Hóa 1	Xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Heo nái	105.611 m ²	2.400 con	62.400 heo con/năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-03
3.	Trang Trại Bình Phước 1	Áp Tân Phú, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.	Heo nái	105.833 m ²	1.200 con	31.200 heo con/năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-09
4.	Trang Trại Vũng Tàu 1	Xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Heo nái	120.300 m ²	2.400 con	62.400 heo con/năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-10
5.	Trang Trại Hòa Bình 1	Thôn Quê Sụ, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.	Heo nái	87.000 m ²	1.200 con	31.200 heo con/năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-13
6.	Trang Trại Minh Thành 2	xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	Heo nái	108.727 m ²	2.400 con	62.400 heo con/năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-14

Số tại 01/17/2022

TT	Thành viên	Địa điểm	Đối tượng	Diện tích	Quy mô	Sản lượng	Mã số phụ
7.	Trang Trại Phú Yên 1	Thôn Kinh Tế 2, xã Eatrol, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên	Heo nái	124.011 m2	5.000 con	130.000 heo con/ năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-15
Tổng				775.302 m2	17.000 con	442.000 heo con/ năm	
1.	Trang Trại Minh Thành 1	xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	Heo hậu bị	119.003 m2	12.000 con	28.800 con/ năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-06
2.	Trang Trại Bình Phước 2	Ấp Tân Phú, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.	Heo hậu bị	150.588 m2	12.000 con	28.800 con/ năm	VietGAP-CN-12-01-79-0002-08
Tổng				269.591 m2	24.000 con	57.600 con/ năm	





www.vinacert.vn

VinaCert

THÔNG BÁO SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN VietGAP/ NOTICE OF USE VietGAP CERTIFICATION MARK

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM



Tuân thủ quy định sử dụng dấu chứng nhận VietGAP của **VinaCert** theo thông tin dưới đây/ Comply with the regulation on using **VinaCert's** VietGAP certification mark as following below:

Hình dạng, kích thước cơ bản của dấu VietGAP **VinaCert** cấp được quy định như sau/ The basic shape, size of certification mark issued by **VinaCert** is defined as following:

Hình dạng, kích thước cơ bản và tỉ lệ của dấu chứng nhận VietGAP được quy định như hình sau/ The basic shape, size and scale of **VinaCert's** VietGAP certification mark are defined as follows:



(*)

Ghi chú:

(*): Mã số cho mỗi Khách hàng/ thành viên (thành viên trong Phụ lục chứng nhận kèm theo nếu có).
Đường kính hình tròn thể hiện logo VinaCert bằng độ cao của logo VietGAP.

2. Tổ chức được chứng nhận sử dụng dấu chứng nhận VietGAP của **VinaCert** cho phạm vi được chứng nhận bao gồm Logo của **VinaCert** (bên trái), dấu chứng nhận kèm mã số chứng nhận của phạm vi được chứng nhận (cạnh logo **VinaCert**) như hình dưới/ *Certified organization shall use the **VinaCert** certification mark of VietGAP for each certified scope, including **VinaCert** logo (left), certification mark (next **VinaCert** Logo) with code of certificated scope as the above picture.*

- Dấu chứng nhận VietGAP quy được trình bày trực tiếp trên sản phẩm, hàng hoá hoặc trên bao bì hoặc nhãn gắn trên sản phẩm, hàng hoá ở vị trí dễ thấy, dễ đọc, đồng thời có thể được in trong tài liệu kỹ thuật kèm theo để tuyên truyền, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên các tài liệu giới thiệu, tài liệu giao dịch thương mại của Khách hàng (chương trình quảng cáo, thư)/ *The certification mark is presented on the product or product packaging where easy to see, read and can be printed in technical document to propaganda, advertise in the public media and on the brochures and business transactions documents of the customers (marketing program reports, letters).*
- Tổ chức chỉ được sử dụng dấu chứng nhận VietGAP của **VinaCert** đối với phạm vi đã được chứng nhận/ *Certified organization only use the **VinaCert** canonical compliant certification mark for standard certification scope.*
- 3. Các điều kiện khác khi sử dụng/ *Other conditions using:*
 - Dấu chứng nhận phải thể hiện đúng màu đã cấp hoặc cùng một màu và dễ nhận biết/ *The mark of conformity must be expressed correct color with issued color or in a same color and recognizable.*
 - Kích cỡ của Dấu chứng nhận có thể được phóng to hoặc thu nhỏ nhưng phải có kích thước đảm bảo đúng tỷ lệ nêu trên và dễ nhận biết được bằng mắt thường./ *The size of the certification mark may be enlarged or reduced but must be complied with provision above and may be recognizable with naked eyes.*
 - Không được thay đổi tỉ lệ của các dấu dẫn tới thay đổi hình dạng so với bản đã cấp/ *Not change the rate of the certification mark leads to shape change compared to the issued.*
 - Không được chuyển nhượng dấu chứng nhận / *Certification mark is not transferable.*
 - Tổ chức được chứng nhận sử dụng dấu chứng nhận phải tuân thủ các quy định về trách nhiệm của Tổ chức được chứng nhận theo Quy định về chứng nhận sản phẩm của **VinaCert** (V01-03 Quy định chung về chứng nhận sản phẩm), ISO/IEC Guide 23, ISO/IEC 17030 và quy định của pháp luật hiện hành/ *The certified organization use the certification mark must comply with the certificated organization in accordance with **VinaCert** regulations on product certification (V01-03 General Regulation on product certification), ISO/IEC Guide 23, ISO/IEC 17030 and provisions of existing laws.*